

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG GÓP PHẦN ĐÁNH THỨC, KHƠI DẬY CÁC NGUỒN LỰC

TRẦN THỊ LÂM*

Phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; đồng thời, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Bài viết làm rõ quan điểm của Đảng về phát triển bền vững môi trường, phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện phát triển bền vững về môi trường tại Việt Nam; từ đó, đề xuất một số biện pháp góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: Phát triển bền vững; môi trường; kỷ nguyên mới; Việt Nam.

Sustainable environmental development in Vietnam plays a vital role in promoting socio-economic development, while also attracting external resources and improving the material and spiritual well-being of the People. This article clarifies the Communist Party's views on sustainable environmental development; analyzes and assesses the current state of its implementation in Vietnam; and proposes several measures to help lead the country into a new era - an era of national rise.

Keywords: Sustainable development; environment; new era; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 16/3/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 27/6/2025

NGÀY DUYỆT: 16/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.354.2025.1223>

1. Đặt vấn đề

Mỗi quốc gia, dân tộc trong quá trình ra đời, tồn tại và phát triển đều phải quan tâm chú trọng đến phát triển bền vững về môi trường để bảo đảm nguồn sống cho con người và giới tự nhiên. Đối với Việt Nam, phát triển bền vững về môi trường là quan điểm, đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong

lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường”¹. Do đó, việc phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mọi hoạt động của con người, là cơ sở, tiền đề đánh thức, khơi dậy các nguồn lực tự nhiên, nguồn lực nhân văn một cách đúng đắn, khoa học trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

* ThS, Trường Đại học Điện lực

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển bền vững môi trường

Phát triển bền vững là một thuật ngữ được sử dụng khá phổ biến, thông dụng trong những năm gần đây, nhất là trong diễn đàn kinh tế, hội thảo khoa học, xây dựng các chính sách về chống biến đổi khí hậu. Vì vậy, bất kỳ một lĩnh vực nào, hoạt động nào cũng cần đến sự phát triển bền vững, đặc biệt là vấn đề môi trường phát triển bền vững liên quan đến sự sống còn của một quốc gia, dân tộc. Phát triển bền vững về môi trường là yếu tố quan trọng để đánh thức, khơi dậy các nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thu hút đầu tư nước ngoài, tạo thế và lực mới cho đất nước trên trường quốc tế.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển các lĩnh vực, hoạt động khác, quán triệt và thực hiện tốt vấn đề phát triển bền vững sẽ là cơ sở, động lực, tiền đề cho sự phát triển tiếp theo. Chính vì vậy, sau khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế - xã hội đất nước (tháng 12/1986), Đảng đã quan tâm chú trọng đến việc bảo vệ môi trường sống của con người; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường một cách bền vững.

Quan điểm đầu tiên đánh dấu của sự nhận thức tư duy của Đảng về bảo vệ môi trường, đó là Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó khẳng định: “bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại”. Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) đã luận giải làm rõ hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”². Tiếp đến, ngày 15/11/2004, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng

nêu rõ “bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta”.

Đại hội lần thứ X (năm 2006) và Đại hội lần thứ XI (năm 2011) của Đảng tiếp tục khẳng định việc “gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường”³. Đặc biệt, trước xu thế toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới, ngày 03/6/2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đại hội lần thứ XII (năm 2016) của Đảng một lần nữa nhấn mạnh đến tính chủ động của việc ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là với biến đổi khí hậu “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường”⁴. Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) cũng đặt ra yêu cầu: “cần đặt việc phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển... Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”.

Đại hội lần thứ XIII (năm 2021) của Đảng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản phẩm thân thiện với thiên nhiên “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu... xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện môi trường”⁵.

Từ những quan điểm của Đảng về phát triển bền vững môi trường, có thể rút ra một số nhận xét cơ bản sau: Một là, Đảng ta khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của việc bảo vệ môi trường; là vấn đề sống

còn, là cơ sở, động lực của sự phát triển ổn định, bền vững đối với mọi lĩnh vực, ngành nghề của đời sống xã hội. *Hai là*, bảo vệ môi trường gắn với thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm ở các vùng, miền, địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và doanh nghiệp. *Ba là*, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của tất cả người dân Việt Nam. *Bốn là*, bảo vệ môi trường một cách bền vững, lâu dài, chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc vì con người, lấy con người làm trung tâm của mọi sự phát triển.

3. Thực trạng về phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, điều hành của Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị các cấp, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đã quán triệt và tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả; ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường nâng lên, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường; nhiều công trình, dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường được xây dựng ở các địa phương, nhất là ở khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, như: đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh Bắc Trung Bộ; các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh đều xây dựng hệ thống xử lý chất thải, chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước, quy định địa phương...

Các địa phương tích cực, chủ động tăng cường hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế, như: Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc (UNEP), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ)... để trao đổi, ký kết thực hiện các chương trình, dự án về phát triển bền vững môi trường ở địa phương và triển khai các dự án về quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển năng lượng tái tạo. Chẳng hạn như một số tỉnh miền Trung đã hợp tác với các tổ chức quốc tế để xây dựng các hệ thống cảnh báo sớm lũ lụt và sạt lở đất, giúp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai. Đặc biệt, nguồn ngân sách địa phương đầu tư cho xây dựng các công trình chống biến đổi khí hậu được bảo đảm thường xuyên và trách nhiệm của người dân cùng với Nhà nước tham gia vào xây dựng cơ sở vật chất chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sống của con người.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, phát triển bền vững về môi trường còn một số hạn chế: nhận thức, trách nhiệm của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng bảo vệ môi trường bền vững chưa sâu sắc, toàn diện; tình trạng người dân và doanh nghiệp xả chất thải ra bên ngoài gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến chất lượng không khí, cuộc sống của người dân còn tiếp diễn ở một số địa phương chưa được xử lý dứt điểm, hiệu quả, như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; tình trạng khai thác rừng bừa bãi dẫn đến thiên tai, hạn hán, lũ lụt còn xảy ra nhiều ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: (1) Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong quán triệt, tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường bền vững chưa kịp thời. (2) Một số cơ chế, chính sách, pháp

luật về bảo vệ môi trường bền vững chưa được bổ sung, hoàn thiện kịp thời. (3) Vai trò, trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp trong tham gia bảo vệ môi trường cùng với chính quyền địa phương chưa cao. (4) Công tác phối hợp giữa các chủ thể, lực lượng trong bảo vệ môi trường bền vững chưa thường xuyên, kịp thời và hiệu quả.

4. Một số biện pháp đối với phát triển bền vững về môi trường trong kỷ nguyên mới

Một là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng về tầm quan trọng phát triển bền vững môi trường.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương cần tiếp tục tăng cường quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển môi trường đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp đối với việc phát triển môi trường bền vững nhằm hướng đến giữ gìn sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, thụ hưởng những thành quả lao động do chính mình làm ra và những cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước đem lại. Đa dạng hóa các nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đến người dân, doanh nghiệp các chương trình, kế hoạch, dự án bảo vệ môi trường một cách bền vững; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp giữ gìn, bảo vệ môi trường sống, không khai thác bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục tiến hành thường xuyên, liên tục, coi trọng về chất lượng, làm cho ý thức, trách nhiệm phát triển môi trường bền vững trở thành nét đẹp văn hóa trong cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

Các chủ thể, lực lượng tích cực, chủ động tham gia vào các chiến dịch bảo vệ môi trường do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động: chiến dịch trồng cây xanh, dọn dẹp các chất thải ở kênh, mương, ao, hồ; ngày hội sống xanh, phong trào xanh - sạch - đẹp... Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền địa phương làm tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có nhiều nỗ lực, cố gắng, có những kinh nghiệm hay, sáng kiến tốt trong tham gia bảo vệ môi trường một cách bền vững.

Hai là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam.

Các cơ quan, ban, ngành có thẩm quyền cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá pháp luật về bảo vệ môi trường để điều chỉnh, bổ sung hợp lý, phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Các cơ chế, chính sách, pháp luật về phát triển bền vững môi trường cần phải có tính tuổi thọ lâu dài, quy định chặt chẽ, cụ thể cho từng ngành, từng lĩnh vực. Theo đó, cần phát huy dân chủ, trí tuệ của tập thể trong thảo luận đánh giá các luật về phát triển bền vững trường ở Việt Nam, tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các tổ chức chính trị - xã hội, trực tiếp là người dân, doanh nghiệp để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức, hành động trong toàn xã hội. Các cơ chế, chính sách, pháp luật về phát triển bền vững môi trường hướng đến khơi thông các nguồn lực, thu hút đầu tư nước ngoài, kích thích người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo, mức sống giữa các vùng, miền, giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với vùng đồng bằng.

Ba là, nêu cao vai trò, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp tham gia phát triển bền vững môi trường.

Mỗi người dân và doanh nghiệp tích cực, chủ động hưởng ứng các chương trình mục

tiêu quốc gia về phát triển bền vững; chấp hành nghiêm các quy định về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường bền vững; mỗi hoạt động sản xuất - kinh doanh của người dân, doanh nghiệp gắn với chính sách bảo vệ môi trường một cách bền vững. Các cơ quan, chức năng, ban, ngành tăng cường công tác kiểm tra, xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với người dân, doanh nghiệp vi phạm bảo vệ môi trường, không quan tâm đến xử lý chất thải, nguồn nước, tiếng ồn, không khí trong quá trình sản xuất - kinh doanh.

Bốn là, tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong phát triển bền vững môi trường.

Mỗi địa phương có đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng khác nhau, cần tăng cường trao đổi, hợp tác trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường một cách bền vững, như: trao đổi thông tin, thực hiện các chương trình, dự án về phát triển bền vững môi trường, như: xây dựng công trình thủy lợi, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, giảm thiểu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, trồng rừng, chống xâm nhập mặn...; tổ chức những buổi hội thảo khoa học, thực hiện các đề án về phát triển bền vững môi trường. Từ đó, nâng cao sự tin cậy, hiểu biết lẫn nhau giữa các địa phương không chỉ trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh mà còn trong phát triển bền vững môi trường. Trong những tình huống khẩn cấp, cần có sự hỗ trợ về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí, đặc biệt, các địa phương có kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực, tổ chức luyện tập các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển môi trường bền vững.

5. Kết luận

Hiện nay, trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, những thách thức an ninh phi truyền thống tác

động sâu sắc, toàn diện đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, việc quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển bền vững môi trường vào thực tiễn địa phương rất quan trọng, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong phát triển bền vững toàn diện mọi lĩnh vực, nhất là môi trường sống của Nhân dân. Thực hiện tốt những nội dung, biện pháp nêu trên sẽ hạn chế những thiệt hại do môi trường gây ra, tạo ra những bước đột phá, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thu hút các nguồn lực bên trong và bên ngoài vào quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước vào giai đoạn phát triển mới□

Chú thích:

1. Nguyễn Phú Trọng (2022). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 21.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr. 162.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 38.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 271.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 171.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) (2013). *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
2. Bộ Chính trị (1998). *Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.